

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 65/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2017

V/v: Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương

Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và Bà Vũ Thị Thúy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông - Cán bộ
Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia
phiên tòa:* Không

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm
2017 về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
63/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa
số 53 ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Tổng Thị C**, sinh năm 1969 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1965 (Vắng mặt lần 2)

Đều trú tại: thôn A, xã V, huyện T, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hoà giải, nguyên đơn
chị Tổng Thị C trình bày:*

Chị và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1989 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh B, sau khi cưới vợ chồng chung sống và làm ăn tại địa phương. Vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, anh H hay chửi bới và xúc phạm gia đình chị, mặt khác anh H sống không chung thủy và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác ở cùng xã và có một đứa con riêng. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H

Về con chung: Chị và anh H có một 03 chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 13/8/1990, Phạm Văn H, sinh ngày 09/12/1995 và Phạm Ngọc M, sinh ngày 25/8/2001. Hiện nay cháu N và cháu H đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu M và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải, bị đơn là anh Phạm Văn H trình bày:

Anh và chị Tống Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1989 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh B. Sau khi cưới vợ chồng chung sống và làm ăn tại địa phương. Do anh có quan hệ với một người phụ nữ khác cùng xã và có một đứa con riêng. Vì vậy vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh đã xin lỗi và nhận khuyết điểm với chị C nhưng chị C không tha thứ cho anh. Nay chị C viết đơn xin ly hôn anh xác định vẫn còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn

Về con chung: Chúng tôi có một 03 chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 13/8/1990, Phạm Văn H, sinh ngày 09/12/1995 và Phạm Ngọc M, sinh ngày 25/8/2001. Hiện nay cháu N và cháu H đã thành niên và có việc làm nên anh

không yêu cầu giải quyết. Còn cháu M thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh đề nghị vợ chồng sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Tống Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu trên, không thay đổi, bổ sung gì. Còn bị đơn là anh Phạm Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Phạm Văn H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ điều 228 BLTTDS năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H

Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tống Thị C và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Nhưng khi về chung sống với nhau thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh H hay chửi bới và xúc phạm gia đình chị C. Mặt khác anh H sống không chung thủy và có quan hệ bất chính với người phụ nữ cùng xã và đã có một đứa con riêng nên khi chung sống cùng nhau đã không có tiếng nói chung và nhanh chóng không còn tình cảm. Vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét hôn nhân của anh chị chỉ còn là hình thức, vì trên thực tế chị C và anh H đã sống ly thân, không ai còn quan tâm gì đến

nhau nữa. Chị C xin ly hôn anh H là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị.

2. Về con chung: Chị và anh H có một 03 chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 13/8/1990, Phạm Văn H, sinh ngày 09/12/1995 và Phạm Ngọc M, sinh ngày 25/8/2001. Hiện nay cháu N và cháu H đã thành niên nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Chị C đề nghị được trực tiếp nuôi cháu M và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Phạm Ngọc M có đơn xin được ở với chị C. Hiện nay cháu M đã trên 07 tuổi và nguyện vọng đó của cháu là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao con chung Phạm Ngọc M cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị cần chấp nhận.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh H tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Chị Tổng Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Tổng Thị C được ly hôn anh Phạm Văn H

2. Về con chung:

Giao con chung Phạm Ngọc M cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C. Anh H có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, chị C không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Tổng Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai số 0001132 ngày 16/8/2017 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí. Chị C đã nộp xong án phí

5. Về quyền kháng cáo bản án :

Chị Tổng Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh B.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- TAND tỉnh B
- UBND xã V
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương